

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ngày 06/12/2018 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Nghệ An;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2347 /TTr-SNN.KHTC ngày 12 tháng 8 năm 2019.*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, 4, 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ;





b) Các cơ quan nhà nước có liên quan đến hoạt động đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### Điều 2. Nội dung, định mức hỗ trợ

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình (1.000đ)	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Hệ thống điện</b>			
a	Trạm biến áp trong hàng rào dự án	100KVA	100.000	Áp dụng cho các Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
b	Đường dây ngoài hàng rào dự án	1 km	110.000	
<b>2</b>	<b>Hệ thống đường giao thông</b>			
a	Đường giao thông trong hàng rào dự án (bề dày tối thiểu 15cm)	1 m <sup>2</sup>	100	Đường bê tông xi măng, bê tông Asphalt gồm cả hệ thống thoát nước, chống sạt lở; Áp dụng cho các Điều 11, Điều 12, Điều 13 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
b	Đường giao thông ngoài hàng rào dự án (đạt chuẩn cấp V miền núi trở lên)	1 km	450.000	Áp dụng cho Khoản 6, Điều 13 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
<b>3</b>	<b>Nhà xưởng, nhà ở cho người lao động</b>			
a	Nhà xưởng cao từ 5m trở lên	1 m <sup>2</sup>	1.000	Nhà kiên cố, cấp 4 trở lên; Áp dụng cho Điều 11, Điều 12 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
b	Nhà xưởng cao dưới 5 m	1 m <sup>2</sup>	700	
c	Nhà ở cho người lao động (cấp IV)	1 m <sup>2</sup>	1.000	Áp dụng cho Khoản 5 Điều 13

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình (1.000đ)	Ghi chú
d	Nhà ở cho người lao động (2 Tầng trở lên)	1 m <sup>2</sup>	2.000	Nghị định 57/2018/NĐ-CP
<b>4</b>	<b>Nước sạch</b>			
	Đường ống chính dẫn đến các khu vực dân cư có từ 10 hộ trở lên (có đường kính tối thiểu 40mm).	1 m	100	Vật liệu nhựa, kim loại; Áp dụng cho Điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
<b>5</b>	<b>Xử lý chất thải</b>			
a	Bể lắng, bể sục khí	1 m <sup>3</sup>	2.000	Vật liệu bê tông, xây gạch; Áp dụng cho khoản 2, điều 13, Nghị định 57/2018/NĐ-CP
b	Hồ chứa nước	1 m <sup>3</sup>	50	Có lát tấm bê tông xung quanh; Áp dụng cho Khoản 2 Điều 13 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50mm)	1 m	100	Vật liệu nhựa, kim loại, bê tông; Áp dụng cho Khoản 2 Điều 13 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
d	Máy bơm	1 m <sup>3</sup> /giờ	1.000	
<b>6</b>	<b>Xây dựng đồng ruộng</b>			
a	Nhà kính, nhà lưới	1 m <sup>2</sup>	60	Áp dụng cho Khoản 5 Điều 9 và Khoản 4 Điều 13 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
b	Tưới phun, tưới nhỏ giọt	1 m <sup>2</sup>	35	
<b>7</b>	<b>Phát triển thị trường</b>			



*B*



TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình (1.000đ)	Ghi chú
a	Chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực cấp tỉnh	Thương hiệu sản phẩm	100.000	Áp dụng cho Điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định 57/2018/NĐ-CP
b	Triển lãm hội chợ ngoài nước		50.000	
c	Triển lãm hội chợ trong nước		25.000	
8	<b>Đề tài nghiên cứu khoa học, bản quyền, công nghệ</b>	Đề tài, bản quyền, công nghệ	200.000	Áp dụng cho Khoản 1 Điều 9 Nghị định 57/2018/NĐ-CP

Các nội dung hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo Quy định của Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2019.

### **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Các nhà đầu tư; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. **B**

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp Nghệ An;
- Trung tâm THCB, Công TTĐT Nghệ An;
- Lưu: VT, NN (D Hùng) (50). **HT**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Viết Hồng**